TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 156/2022/QĐST- DS	*Đông Anh, ngày 27 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Biên hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 105/2021/TLST - DS ngày 02 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Đ – Công ty Luật TNHH T – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

1.2. Bị đơn: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội.

1.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.3.1.Bà Đàm Thị L, sinh năm 1963

1.3.2. Ông Đàm Văn T, sinh năm 1964 (đã chết ngày 20/11/2004)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T:

1.3.2.1. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1967 (vợ ông T);

1.3.2.2. Chị Đàm Thị A, sinh năm 1991 (con bà H1, ông T);

1.3.2.3. Anh Đàm Văn H3, sinh năm 1993 (con bà H1, ông T);

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội

1.3.3. Bà Đàm Thị T1, sinh năm 1968;

1.3.4. Ông Đàm Văn N, sinh năm 1971 (đã chết năm 2014)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N:

1.3.4.1. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1976 (vợ ông Năm);

1.3.4.2. Chị Đàm Thị Y, sinh năm 1996 (con bà H, ông Năm);

1.3.4.3. Chị Đàm Minh L1, sinh năm 2004 (con bà H, ông Năm);

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội

1.3.5. ông Đàm Văn C, sinh năm 1973;

1.3.6. Bà Đàm Thị T2, sinh năm 1978;

1.3.7. Chị Đàm Thị Huyền A, sinh năm 1991;

1.3.8.Anh Đàm Văn H3, sinh năm 1993;

1.3.9. Chị Đàm Thị Y, sinh năm 1996;

1.3.10. Chị Đàm Minh L, sinh năm 2004;

Đều trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về quan hệ huyết thống, diện và hàng thừa kế**: cụ Đàm Văn N1, sinh năm 1935, chết ngày 30/8/2000 và cụ Nguyễn Thị P, sinh năm 1940 chết ngày 17/3/2017.

Cụ P, cụ N1 sinh được 06 người con lần lượt là:

1/Bà Đàm Thị L, sinh năm 1963;

2/Ông Đàm Văn T, sinh năm 1964 chết năm 2004 có vợ là bà Trần Thị H1, ông T, bà H1 có 02 người con là chị Đàm Thị Huyền A, anh Đàm Văn H3;

3/Bà Đàm Thị T2, sinh năm 1968;

4/Ông Đàm Văn N, sinh năm 1971 chết năm 2014. Ông N có vợ là Bùi Thị H 02 người con là Đàm Thị Y, sinh năm 1996 và Đàm Minh L, sinh năm 2004;

5/Ông Đàm Văn C, sinh năm 1973;

6/Bà Đàm Thị T2, sinh năm 1978.

Cụ N1, cụ P không có con chung, con riêng hay con nuôi nào khác. Cụ P, cụ N1 chết không để lại di chúc.

2. **Về di sản thừa kế của vợ chồng cụ N1, cụ P**:

2.1. Các đương sự xác định di sản của cụ N1, cụ P gồm: Thửa đất số 15 tờ bản đồ số 34 có địa chỉ tại Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội hiện do gia đình ông C trực tiếp quản lý sử dụng và thửa đất số 47, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội (Nay là thửa đất số 47-2, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Đàm Thị Huyền A và thửa đất số 47-1, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Đàm Văn H3) hiện do bà H1, bà H, anh H3 đang quản lý, sử dụng.

2.2. Các đương sự thống nhất phân chia như sau:

- Bà H sở hữu, sử dụng một phần diện tích đất là 157m^2 tại Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội có vị trí: phía tây giáp đường, phía đông giáp đất thôn sáp mai, phía bắc giáp đất nhà ông bà Bảy Vững, phía nam giáp đất nhà bà H1. Theo kết quả xem xét thẩm định, định giá thì có giá trị là 157m^2 x 40.000.000đ/m^2 = 6.280.000.000đ

- Bà H1 trực tiếp quản lý sở hữu và sử dụng một phần diện tích đất là 156m^2 tại Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội có vị phí phía tây giáp đường, phía đông giáp đất thôn Sáp Mai, phía bắc giáp đất nhà phần đất bà H, phía nam giáp đất nhà ông bà Lan Thắng với diện tích sử dụng là 156m^2 x 40.000.000đ = 6.240.000.000đ

- Đối với các tài sản trên đất nằm trên diện tích đất của bà H, bà H1 được hưởng thì người đó tiếp tục sở hữu sử dụng.

- Ông C có quyền quản lý sở hữu và sử dụng thửa đất số 15 tờ bản đồ số 34, 375m^2 có địa chỉ tại Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội có vị trí: phía đông bắc giáp tiểu ngõ, phía tây nam giáp đất nhà ông Hòa, phía tây bắc giáp đất nhà bà Hiền Lợi, phía đông nam giáp đất nhà ông bà Thủy Quảng. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích là 375m^2 x 35.000.000đ = 13.055.000.000đ (Mười ba tỷ không trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Về tài sản trên đất thì ông C tiếp tục được quản lý, sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản hiện có trên đất.

*** Danh giới thửa đất:** *Có hồ sơ kỹ thuật kèm theo Quyết định của Tòa án.*

2.3. Bà Bùi Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị H1 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể người được thi hành án có đơn yêu cầu, người phải thi hành án còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong.

2.4. Các đương sự thống nhất không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đàm Văn H3 theo giấy chứng nhận CU 281207 do Sở tài nguyên môi trường Hà Nội cấp ngày 10/12/2019, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đàm Thị Huyền A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CU 281208 do Sở tài nguyên môi trường Hà Nội cấp ngày 10/12/2019

2.5. Các đương sự thống nhất không yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội, số công chứng 6028 ngày 26/11/2019 tại Văn phòng công chứng Phùng Kiên và hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ tại Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội, số công chứng 6027 ngày 26/11/2019 tại Văn phòng công chứng Phùng Kiên

2.6. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A và anh H3 giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho các bên để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Trường hợp chị A, anh H3 không giao giấy chứng nhận thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và theo quyết định của của Tòa án hoặc có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 106 và Điều 116 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 114.280.000 đồng. Bà H1 phải chịu 114.240.000 đồng. Ông C phải chịu 121.055.000 đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau nên chỉ phải chịu 50% số tiền án phí phải chịu. Như vậy, bà H phải chịu 57.140.000 đồng, bà H1 phải chịu 57.120.000 đồng. Ông C phải chịu 60.527.500 đồng để sung Ngân sách Nhà nước. Bà H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **17.950.000** đồng theo biên lai thu số AA/2020/0045283 ngày 01/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Hà Nội. Bà H tiếp tục phải nộp **39.190.000** đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Đông Anh;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND tp Hà Nội ;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Thịnh Quang Thắng